

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 283/2019/DS-PT

Ngày: 16/10/2019

V/v tranh chấp: “Chia di sản thừa kế
và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền
sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa Phê phán: Ông Trần Văn Đạt

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Hiếu

Bà Nguyễn Thị A Phương

- Thư ký Phê phán: Ông Bùi Lê Lộc – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia Phê phán: Bà Lê Thị Thắm – Kiểm sát Viên.

Trong các ngày 10 và ngày 16 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 72/2019/TLPT-DS ngày 28 tháng 02 năm 2019 về Việc tranh chấp: “Chia di sản thừa kế và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 67/2018/DS-ST ngày 24 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2019/QĐ-PT ngày 01 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Trần Công H, sinh năm 1951;

Địa chỉ: Số 26/3A, Lê Thị H G, Khu phố x, Phường Y, thành phố M, tỉnh T.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H: Bà Trần Thị Ngọc A, sinh năm 1956. (Có mặt)

Địa chỉ: Số 26/5A, Lê Thị H G, Khu phố x, Phường Y, thành phố M, tỉnh T.

Theo văn bản ủy quyền ngày 10 tháng 4 năm 2019.

2. Trần Thị Kim Hg, sinh năm 1954;

Địa chỉ: Số 26/7A, Lê Thị H G, Khu phố x, Phường Y, thành phố M, tỉnh T.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Hg: Trần Thị Yến L, sinh năm 1960; (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số 152A1, Ấp 4, xã An KhA, huyện C, tỉnh B.

Theo văn bản ủy quyền ngày 10 tháng 5 năm 2017.

3. Trần Thị Ngọc A, sinh năm 1956; (Có mặt)

Địa chỉ: Số 26/5A, Lê Thị H G, Khu phố x, Phường Y, thành phố M, tỉnh T.

4. Trần Thị Yến L, sinh năm 1960; (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số 152A1, Ấp 4, xã An KhA, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Lê M Nh – Văn phòng luật sư Lê M Nh – Đoàn luật sư Thành Phố H. (Có mặt)

Địa chỉ: Phường X, Quận Y, Thành phố H.

- *Bị đơn*: Trần Công Th, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Số 27, Lý Thường Kiệt, Khu phố X, Phường Y, thành phố M, tỉnh T.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Trọng K, sinh năm 1978; (Có mặt)

Địa chỉ: Số 7/11, Phan Th Giảng, Phường X, thành phố M, tỉnh T.

Theo văn bản ủy quyền ngày 23 tháng 01 năm 2017.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Nguyễn Thị Kim Ng, sinh năm 1970;

2. Trần Hoàng Ph, sinh năm 1992;

3. Trần Nguyễn Đức D, sinh năm 1993;

4. Trần Nguyễn Tường V, sinh năm 1996;

Cùng địa chỉ: Số 27, Lý Thường Kiệt, Khu phố X, Phường Y, thành phố M, tỉnh T.

Cùng ủy quyền cho: Ông Võ Trọng K, sinh năm 1978; (Có mặt)

Địa chỉ: Số 7/11, Phan Th Giảng, Phường X, thành phố M, tỉnh T.

Theo văn bản ủy quyền ngày 23 tháng 01 năm 2017.

5. Trần Thị B, sinh năm 1948; (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số 27/6, Lê Thị H G, Khu phố x, Phường Y, thành phố M, tỉnh T.

6. Phạm Thị M Ng, sinh năm 1977; (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số 1132, Ấp 1, xã Đ, thành phố M, tỉnh T.

7. Phạm Thị Ngọc C, sinh năm 1985; (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số 76, Phường X, thành phố M tỉnh T.

8. Ủy ban nhân dân thành phố M;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn H – Chủ tịch; (Có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 36, Phường X, thành phố M, tỉnh T.

9. Phòng Công chứng số N tỉnh T

Đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Hữu M – Trưởng phòng; (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Phường X, thành phố M, tỉnh T.

- *Người làm chứng:*

1. Vu Chí K, sinh năm 1954;

Địa chỉ : Số 26/7A, Lê Thị H G, Khu phố x, Phường Y, thành phố M, tỉnh T..

2. Nguyễn Văn A, sinh năm 1945 ;

Địa chỉ : Số 26/7, Lê Thị H G, Khu phố x, Phường Y, thành phố M, tỉnh T..

- *Người kháng cáo:* Bị đơn – Trần Công Th; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Nguyễn Thị Kim Ng, Trần Hoàng Ph, Trần Nguyễn Đức D, Trần Nguyễn Tường V.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm;

Nguyên đơn – ông Trần Công H, bà Trần Thị Kim Hg, bà Trần Thị Ngọc A, bà Trần Thị Yến L cùng trình bày:

Cha ông bà tên Trần Văn Nh sinh năm 1924, chết ngày 15/08/2013, mẹ ông bà là bà Nguyễn Thị H1 sinh năm 1927, chết ngày 09/08/2013. Ông Nh và bà H1 qua đời, có để lại căn nhà, có làm di chúc, tờ di chúc cuối lập ngày 02/04/2008 do Phòng Công chứng số 01 lập: Số công chứng là 48, quyển số 01/TP/CC-SCC-PC. Căn nhà này do ông Nh đứng tên làm chủ, có diện tích đất ở là 126,2m² giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01386-QSĐĐ-820/QĐ-UB (17/09/2003) và diện tích nhà ở là 96m², giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà số 480/NĐ ngày 02/11/1984 căn nhà tọa lạc tại số nhà 27 Lý Thường Kiệt, Khu phố 10, Phường 4, thành phố M, tỉnh T. Căn nhà này hiện ông Nh chưa chuyển quyền sở hữu cho ai, hiện ông Nh còn đứng tên làm chủ. Trước kia khi ông Nh bà H1 còn sống thì ông Trần Công Th sống chung với ông Nh bà H1 và hiện nay vẫn còn ở trong căn nhà này. Sau khi ông Nh bà H1 qua đời ông Trần Công Th cho chị Phạm Thị M Ng và Phạm Thị Ngọc C thuê nhà không thông qua ý kiến những người đồng thừa kế. Nay, các ông bà yêu cầu Tòa án giải quyết:

Chia thừa kế căn nhà theo di chúc. Yêu cầu chia kỷ phần thừa hưởng của các thừa kế bằng giá trị căn nhà trị giá 3.000.000.000 đồng chia làm 05 phần bằng nhau, mỗi người 600.000.000 đồng (bà B đã xin từ chối phần thừa hưởng) và yêu cầu truy thu tiền thuê nhà từ khi di chúc có hiệu lực. Yêu cầu hủy hợp đồng cho thuê nhà giữa ông Trần Công Th và chị Phạm Thị M Ng, chị Phạm Ngọc C.

Ngày 23/01/2017 ông Trần Công H, bà Trần Thị Kim Hg, bà Trần Thị Ngọc A, bà Trần Thị Yến L có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu như sau:

Yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01386-QSĐĐ-820/QĐ-UB cấp ngày 18/12/2003 của UBND thành phố M để xác định nhà và đất tại số 27 Lý Thường Kiệt, Khu phố 10, Phường 4, thành phố M, tỉnh T thuộc quyền sở hữu của ông Trần Văn Nh và bà Nguyễn Thị H1.

Công nhận giá trị pháp lý của di chúc lập ngày 02/04/2008 và chia di sản thừa kế nêu trên gồm 05 phần (do bà B từ chối hưởng) cho ông bà mỗi người hưởng 01 phần.

Yêu cầu truy thu tiền thuê nhà nêu trên từ thời điểm phát sinh thừa kế đến ngày Tòa xét xử để buộc ông Th trả lại cho ông bà mỗi người được hưởng 1/5 số tiền cho thuê này.

Bị đơn – ông Trần Công Th trình bày: Nguyên cha ông là ông Trần Văn Nh (chết ngày 15/08/2013) và mẹ là bà Nguyễn Thị H1 (chết ngày 09/08/2013) là người có quyền

sử dụng đối với căn nhà và đất tại thửa đất 226, tờ bản đồ số 11, diện tích 126,2m², tọa lạc tại 27 Lý Thường Kiệt, Khu phố 10, Phường 4, thành phố M, tỉnh T. Ông Nh và bà H1 có các người con là Trần Thị B, sinh năm 1948; Trần Công H, sinh năm 1951; Trần Thị Kim Hg, sinh năm 1954; Trần Thị Ngọc A, sinh năm 1956; Trần Thị Yên L, sinh năm 1960; Trần Công Th, sinh năm 1967.

Ngày 13/11/2006 ông Nh và bà H1 lập di chúc theo đó để lại nhà và đất nêu trên cho ông được toàn quyền sở hữu, quản lý, sử dụng và có trách nhiệm hương khói cho ông bà, cha mẹ (số công chứng 178, quyền số 01/TP/CC-SCC/CC-DC do Phòng Công chứng số 1, tỉnh Tiền Giang chứng nhận ngày 13/11/2006). Tuy nhiên sau đó ngày 02/04/2008 không hiểu bằng cách nào, các anh chị em của ông lừa cha mẹ ông để lập di chúc khác, theo đó tất cả các anh chị em ông được quyền thừa kế đối với căn nhà và đất nêu trên, mỗi người được thừa hưởng một phần như nhau (số công chứng 48, quyền số 01TP/CC-SCC/DC do Phòng Công chứng số 1, tỉnh Tiền Giang chứng nhận ngày 02/04/2008).

Ông khẳng định di chúc lập ngày 02/04/2008 là hoàn toàn trái với quy định của pháp luật bởi vì:

Khi lập di chúc này, 02 nhân chứng là ông Nguyễn Văn A và ông Vu Chí K là người có liên quan trực tiếp đến người được hưởng thừa kế (Ông A là cH của bà B, ông K là cH của bà Hg). Như vậy 02 nhân chứng này không được làm người làm chứng theo quy định của pháp luật.

Di chúc này không được lập tại văn phòng công chứng mà được lập tại nhà của bà Hg mà không có lý do chính đáng là không đúng. Bên cạnh đó khi lập di chúc này ông Nh và bà H1 đã hơn 80 tuổi và cũng không có giấy khám sức khỏe tâm thần của cơ quan có thẩm quyền, thế nhưng công chứng Văn Trần Thị Th Trúc vẫn chứng nhận di chúc này là trái với quy định của pháp luật. Khi lập di chúc này cũng không có bản chính giấy tờ nhà đất nhưng công chứng Văn vẫn chứng nhận là không đúng.

Nay ông yêu cầu hủy di chúc số công chứng 48, quyền số 01TP/CC-SCC/DC do Phòng Công chứng số 1 tỉnh Tiền Giang chứng nhận ngày 02/04/2008). Công nhận di chúc số công chứng 178, quyền số 01/TP/CC-SCC/CC-DC do Phòng Công chứng số 1 tỉnh Tiền Giang chứng nhận ngày 13/11/2006.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Trần Thị B có đơn từ chối thừa kế tài sản theo di chúc và xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – chị Phạm Thị M Ng, Phạm Thị Ngọc C từ chối cung cấp lời KH1 và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Nguyễn Thị Kim Ng, anh Trần Hoàng Ph, anh Trần Nguyễn Đức D, chị Trần Nguyễn Tường V thống nhất theo ý kiến trình bày của ông Trần Công Th.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Ủy ban nhân dân thành phố Mỹ Tho: Tại văn bản số 8752/UBND-TN&MT ngày 11/12/2017 Ủy ban nhân dân thành phố M có ý kiến: Phần đất, nhà tọa lạc tại số 27 Lý Thường Kiệt, Khu phố 10, Phường 4, thành phố M, tỉnh T có nguồn gốc đất do ông Trần Văn Nh sử dụng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà cửa năm 1984 và giấy xác nhận phần đất thổ cư năm 1995 với tên chủ sử dụng cá nhân là ông Trần Văn Nh, nhưng đến năm 2004 Ủy ban nhân dân thành phố M cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lại thể hiện chủ sử dụng hộ ông Trần Văn Nh là không đúng quy định tại thời điểm cấp giấy chứng nhận. Ủy ban đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo thẩm quyền.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 67/2018/DS-ST ngày 24 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh T căn cứ Điều 34 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 642, 662, 668, 684 Bộ luật dân sự 2005 và Điều 357 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các ông bà Trần Công H, Trần Thị Kim Hg, Trần Thị Ngọc A, Trần Thị Yến L.

Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1386 QSDĐ/820/QĐ.UB (17/09/2003) ngày 18/12/2003 của Ủy ban nhân dân thành phố M cấp cho hộ ông Trần Văn Nh.

Xác định căn nhà số 27 Lý Thường Kiệt, Khu phố 10, Phường 4, thành phố M, tỉnh T thuộc quyền sở hữu và là di sản của ông Trần Văn Nh và bà Nguyễn Thị H1.

Công nhận di chúc số 48 ngày 02/04/2008 của ông Trần Văn Nh và bà Nguyễn Thị H1. Chia di sản là căn nhà số 27 Lý Thường Kiệt, Khu phố 10, Phường 4, thành phố M, tỉnh T làm 05 phần cho các thừa kế là ông Trần Công H, bà Trần Thị Kim Hg, bà Trần Thị Ngọc A, bà Trần Thị Yến L và ông Trần Công Th, mỗi kỹ phần là 424.052.262 đồng.

Buộc ông Trần Công Th hoàn trả cho ông Trần Công H, bà Trần Thị Kim Hg, bà Trần Thị Ngọc A và bà Trần Thị Yến L mỗi người 442.052.262 đồng. Ông Trần Công Th được quyền sở hữu căn nhà số 27 Lý Thường Kiệt, Khu phố 10, Phường 4, thành phố M, tỉnh T.

Xác định ông Trần Công Th đang quản lý số tiền 140.000.000 đồng là tiền lợi tức ông Trần Công Th thu được từ Việc cho thuê căn nhà số 27 Lý Thường Kiệt, Khu phố 10, Phường 4, thành phố M, tỉnh T. Ông Trần Công Th được hưởng 76.000.000 đồng trong số tiền này (bao gồm tiền công sức quản lý 60.000.000 đồng và tiền kỹ phần ông Th được hưởng là 16.000.000 đồng). Buộc ông Trần Công Th phải hoàn trả cho ông Trần Công H, bà Trần Thị Kim Hg, bà Trần Thị Ngọc A và bà Trần Thị Yến L mỗi người 16.000.000 đồng.

Việc trả tiền thực hiện một lần.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Công H, bà Trần Thị Kim Hg, bà Trần Thị Ngọc A và bà Trần Thị Yến L về Việc yêu cầu hủy hợp đồng thuê nhà giữa ông Trần Công Th với chị Phạm Thị M Ng và chị Phạm Thị Ngọc C.

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Trần Công Th về Việc yêu cầu hủy di chúc số công chứng 48 ngày 02/04/2008, công nhận di chúc số 178 ngày 13/11/2006 của ông Trần Văn Nh và bà Nguyễn Thị H1.

4. Kể từ ngày người có quyền có đơn yêu cầu thi hành, nếu ông Th chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 27 tháng 8 năm 2018, ông Võ Trọng K là đại diện theo ủy quyền của bị đơn – Trần Công Th và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Nguyễn Thị Kim Ng, Trần Hoàng Ph, Trần Nguyễn Đức D, Trần Nguyễn Tường V có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn và chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

Tại Phên tòa phúc thẩm: Các nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. ông Võ Trọng K là đại diện theo ủy quyền của bị đơn – Trần Công Th và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Nguyễn Thị Kim Ng, Trần Hoàng Ph, Trần Nguyễn Đức D, Trần Nguyễn Tường V vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và yêu cầu phản tố. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về Việc giải quyết vụ án.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và những người có liên quan có kháng cáo trình bày: Yêu cầu tòa án cấp phúc thẩm hủy bỏ di chúc lập năm 2008 và công nhận tờ di chúc lập vào năm 2006, với các lý do như sau: Thời gian lập di chúc lúc 17 giờ và chứng thực lúc 17 giờ là không khách quan. Bởi lẽ, nội dung thể hiện Công chứng Văn đến nhà số 26/7A Lê Thị H Gấm, Phường 6, thành phố M thì được cụ Nh và cụ H1 tuyên bố nội dung di chúc và được công chứng Văn Trần Thị Th Trúc ghi chép và đA máy lại thì không thể cùng thời gian là 17 giờ. Có thể đây là một di chúc do ai đó làm sẵn, các cụ chỉ ký tên mà thôi; Công chứng Văn cũng không thể đem theo phương tiện như máy in, mộc dấu của Phòng công chứng đến tại địa điểm công chứng; Đối với 02 tờ giấy khám sức khỏe thì theo mẫu giấy này chỉ được kết luận sức khỏe để đi làm mà thôi, giấy khám sức khỏe không dán ảnh. Như vậy, giấy khám sức khỏe để đi làm mà kết luận đủ sức khỏe để lập di chúc là không đúng. Bệnh Viện Quân y 120 có đủ thẩm quyền kết luận về vấn đề M mắt, sáng suốt hay không; H1 người nhân chứng là cH của bà Hg, bà B là không khách quan vì bà Hg, bà B đều được hưởng di sản theo di chúc, V phạm Điều 654 của Bộ luật dân sự 2005; Ngoài ra bản án sơ thẩm cũng không công bằng, không xem xét công sức gìn giữ, bảo quản di sản cũng như công nuôi dưỡng là không phù hợp; Thời điểm lập di chúc thì cụ Nh và cụ H1 đã lớn tuổi. Năm 2002 khi cụ Nh và cụ H1 còn sống thì giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà cấp cho hộ gia đình nhưng các cụ không phản đối. Bị đơn và những người có liên quan đã có phản tố yêu cầu hủy tờ di chúc số 2 nhưng tòa án cấp sơ thẩm không đưa Phòng Công chứng số 1 (đã chứng thực di chúc) vào tham gia tố tụng, không triệu tập 02 người làm chứng để thu thập làm rõ là V phạm tố tụng Tòa án cấp phúc thẩm đưa Phòng Công chứng số 1 vào tham gia tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm là không đúng. Đề nghị Tòa án hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các nguyên đơn trình bày: Việc lập di chúc lúc 17 giờ, công chứng Văn mang theo máy đA chữ là bình thường và di chúc không ghi kết thúc lúc mấy giờ; Giấy khám sức khỏe của bệnh Viện Quân y 120 là phù hợp với pháp luật, Việc không dán ảnh cũng là bình thường; CH bà B và cH bà Hg không phải là người có liên quan vì tài sản bà Hg được nhận là tài sản riêng, bà B đã từ chối nhận di sản; Việc tu bổ căn nhà di sản là không có, Việc chăm sóc nuôi dưỡng cha mẹ là thuộc về đạo lý; Việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là hủy giấy cấp cho hộ gia đình nên là tài sản riêng của cụ Nh và cụ H1; Hủy giấy đất cũng phù hợp với công văn 8752 của Ủy ban nhân dân hành phố Mỹ Tho; Số tiền thuê nhà, tòa sơ thẩm buộc ông Th trả lại là do ông Th thừa nhận tại tòa sơ thẩm, bản án sơ thẩm cũng có khấu trừ mỗi tháng 1.000.000 đồng là công quản lý di sản của ông Th. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí dân sự sơ thẩm cho các nguyên đơn đã đủ 60 tuổi theo qui định. Đối với 02 người làm chứng thì quá trình giải quyết ở giai đoạn sơ thẩm thì bị đơn không có yêu cầu Tòa án triệu tập để thu thập lời kH1, Tòa án cấp phúc thẩm cũng đã bổ sung đầy đủ.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến: Về Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật. Về thủ tục tố tụng và nội dung của bản án sơ

thăm; Xét tờ di chúc được công chứng chứng thực ngày 02/4/2008 thì tại thời điểm lập di chúc, cụ Nh và cụ H1 trên 80 tuổi mà giấy khám sức khỏe không có dấu ảnh, không phù hợp với khoản 1 Điều 7 của Nghị Định 75/CP ngày 08/12/2000; Điều 19 và Điều 22 của Bộ luật dân sự năm 2005; Hồ sơ công chứng ngày 02/4/2008 chưa thể hiện chứng cứ về pháp y tâm thần vào năm 2008 của cụ Nh và cụ H1; Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Phòng Công chứng số 1 vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là V phạm tố tụng. Tòa án cấp phúc thẩm có đưa Phòng Công chứng số 1 vào tham gia tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm là không phù hợp với pháp luật. Lời KH1 của H1 người làm chứng ở giai đoạn phúc thẩm là không có giá trị pháp lý, vì chưa được xem xét ở giai đoạn sơ thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, hủy bản án sơ thẩm số 67/2018/DS-ST ngày 24/8/2018 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh T.

Qua nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại Phên tòa, kháng cáo của ông Võ Trọng K, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại Phên tòa, ý kiến phát biểu của luật sư, ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Án sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp Chia di sản thừa kế” là có căn cứ nhưng chưa đầy đủ. Bởi lẽ, ngày 23/01/2017 ông Trần Công H, bà Trần Thị Kim Hg, bà Trần Thị Ngọc A, bà Trần Thị Yến L có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01386-QSDĐ-820/QĐ-UB cấp ngày 18/12/2003 của Ủy ban nhân dân thành phố M để xác định nhà và đất tại số 27 Lý Thường Kiệt, Khu phố 10, Phường 4, thành phố Mỹ Tho. Nên cần bổ sung quan hệ pháp luật tranh chấp là “Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Đối với nguyên đơn Trần Thị Yến L và những người có liên quan trong vụ án gồm: Trần Thị B, Phạm Thị M Ng, Phạm Thị Ngọc C và Ủy ban nhân dân thành phố Mỹ Tho, Phòng Công chứng số 1 tỉnh Tiền Giang có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự nêu trên theo qui định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự .

Đối với văn phòng Công chứng số 1 tỉnh Tiền Giang, sau khi bị đơn có phản tố yêu cầu hủy tờ di chúc lập ngày 02/4/2008 do Phòng Công chứng số 1 chứng thực, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Phòng Công chứng số 1 vào tham gia tố tụng là có thiếu sót. Tuy nhiên, thiếu sót này đã được Tòa án cấp phúc thẩm khắc phục xong, Phòng Công chứng số 1 cũng có văn bản nêu ý kiến của mình tại công văn số 29/CC1 ngày 16 tháng 7 năm 2019 với nội dung “...Phòng Công chứng số 1 đồng ý tham gia với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ở giai đoạn xét xử phúc thẩm trong vụ án do Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang thụ lý về “phân chia di sản thừa kế” của ông Trần Văn Nh và bà Nguyễn Thị H1...”, nên không cần thiết hủy bản án sơ thẩm do V phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng như vị Đại diện Viện kiểm sát và người kháng cáo trình bày tại Phên tòa.

[2] Về nội dung: Cụ Trần Văn Nh sinh năm 1924, chết ngày 15/08/2013 và cụ Nguyễn Thị H1 sinh năm 1927, chết ngày 09/08/2013 là vợ chồng, có tất cả 06 người con:

1. Trần Công H;
2. Trần Thị Kim Hg;
3. Trần Thị Ngọc A;

4. Trần Thị Yến L;
5. Trần Công Th;
6. Trần Thị B.

Cụ Nh và cụ H1 qua đời, có để lại di sản là 01 căn nhà + đất ở tại số 27 Lý Thường Kiệt, Phường 4, thành phố M và 160m² đất vườn tại Phường 6, thành phố Mỹ Tho. Vợ chồng cụ Nh, cụ H1 có lập 02 tờ di chúc chung của vợ chồng như sau: **Di chúc lần 1:** Ngày 13/11/2006 cụ Nh và cụ H1 lập di chúc theo đó để lại 01 căn nhà + đất ở tại số 27 Lý Thường Kiệt, phường 4, Tp Mỹ Tho cho ông Th được toàn quyền sở hữu, quản lý, sử dụng và có trách nhiệm hương khói cho ông bà, cha mẹ, Phần đất 160m² đất vườn tại Phường 6, thành phố M thì cho 04 người con gái (số công chứng 178, quyền số 01/TP/CC-SCC/CC-DC do Phòng Công chứng số 1, tỉnh Tiền Giang chứng nhận ngày 13/11/2006); **Di chúc lần 2:** Ngày 02/04/2008 do Phòng Công chứng số 1 lập: Số công chứng là 48, quyền số 01/TP/CC-SCC-PC để lại 01 căn nhà + đất ở tại số 27 Lý Thường Kiệt, Phường 4, thành phố M cho tất cả 06 người con hưởng như nhau; Phần đất 160m² đất vườn tại Phường 6, thành phố M thì cho 04 người con gái; sau khi cụ Nh và cụ H1 qua đời thì các con của cụ Nh, cụ H1 là hàng thừa kế thứ nhất phát sinh tranh chấp di sản thừa kế do cụ Nh và cụ H1 chết để lại là 01 căn nhà + đất ở tại số 27 Lý Thường Kiệt, Phường 4, thành phố Mỹ Tho. Sau khi Tòa án cấp sơ thẩm xét xử công nhận di chúc số 48 ngày 02/04/2008 của ông Trần Văn Nh và bà Nguyễn Thị H1. Chia di sản là căn nhà số 27 Lý Thường Kiệt, Khu phố 10, Phường 4, thành phố M, tỉnh T làm 05 phần cho các thừa kế là ông Trần Công H, bà Trần Thị Kim Hg, bà Trần Thị Ngọc A, bà Trần Thị Yến L và ông Trần Công Th. Ông Võ Trọng K là đại diện theo ủy quyền của bị đơn – Trần Công Th và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Nguyễn Thị Kim Ng, Trần Hoàng Ph, Trần Nguyễn Đức D, Trần Nguyễn Tường V có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

[3] Xét nội dung kháng cáo của ông Võ Trọng K là đại diện theo ủy quyền của bị đơn – Trần Công Th và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Nguyễn Thị Kim Ng, Trần Hoàng Ph, Trần Nguyễn Đức D, Trần Nguyễn Tường V, Hội đồng xét xử thấy rằng: Về hình thức, nội dung tờ di chúc do cụ Trần Văn Nh và cụ Nguyễn Thị H1 xác lập ngày 02/4/2008 là phù hợp với pháp luật. Người kháng cáo cho rằng di chúc lập vào lúc 17 giờ ngày 02/4/2008 và kết thúc cùng giờ là không khách quan. Xét thấy, nội dung tờ di chúc thể hiện vào lúc 17 giờ thì cụ Nh và cụ H1 công bố nội dung di chúc cho công chứng Viên Trần Thị Th Trúc ghi chép và đọc máy lại, đồng thời nội dung chứng thực của công chứng Viên cũng vào lúc 17 giờ là không thể hiện vấn đề gì không khách quan, bởi lẽ lúc 17 giờ ngày 02/4/2008 thì công chứng Viên đã bắt đầu thực hiện nhiệm vụ là ghi chép và đọc máy lại nội dung di chúc của cụ Nh và cụ H1, di chúc thì không thể hiện kết thúc lúc mấy giờ nên Việc công chứng Viên ghi lời chứng lúc 17 giờ là hoàn toàn hợp lệ. Vấn đề này cũng phù hợp với lời trình bày của người làm chứng trong di chúc là ông Nguyễn Văn A và ông Vu Chí K. Người kháng cáo cũng không có chứng cứ gì chứng minh nội dung di chúc ngày 02/4/2008 là bị lừa dối hay ép buộc. Đối với người kháng cáo cho rằng tư cách người làm chứng của di chúc là không hợp pháp, không khách quan. Xét thấy, án sơ thẩm đã nhận định Việc làm chứng của ông Nguyễn Văn A và Vu Chí K không thuộc trường hợp không được làm người làm chứng theo qui định tại Điều 654 của Bộ luật dân sự 2005 là đúng pháp luật. Đối với 02 giấy khám sức khỏe của Bệnh Viện Quân y 120 cấp cho cụ Nh và cụ H1 thì cũng được Hội đồng xét xử phúc thẩm làm rõ, theo công văn số 276/BV-KHTH ngày 23/7/2019 của bệnh Viện Quân Y 120 đã xác định “... trong thời điểm năm 2008 Bệnh Viện Quân y 120 có khám sức khỏe cho ông Trần Văn

Nh; bà Nguyễn Thị H1 là đúng thẩm quyền và kết luận 2 trường hợp hợp trên có giá trị về sức khỏe còn M mắc, sáng suốt là đúng ở thời điểm khám tháng 02/2008...” . Tại Phên tòa phúc thẩm phía bị đơn có chứng M bằng Phếu X.quang của bà Nguyễn Thị H1 ngày 13/10/2007 với định bệnh “ho ra máu” nhưng cũng không có chứng cứ gì chứng M vào thời điểm năm 2008 cụ Nh và cụ H1 không còn M mắc, sáng suốt. Nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo về H1 tờ giấy khám sức khỏe không phù hợp. Đối với Việc gìn giữ di sản thừa kế, Tòa án sơ thẩm đã căn cứ vào Việc thừa nhận của ông Th cho thuê nhà từ tháng 08/2013 đến tháng 12/2016 với số tiền 140.000.000 đồng, đã khấu trừ 60.000.000 đồng để bù đắp công gìn giữ di sản của ông Th là phù hợp. Riêng chi phí ma chay cụ Nh và Cụ H1 thì phía nguyên đơn cho rằng do tất cả chị em cùng bỏ tiền ra để lo liệu, bị đơn thì cho rằng do vợ chồng ông Th lo toàn bộ chi phí, nhưng không bên nào có chứng cứ để chứng M, nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét.

Đối với Việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01386QSDĐ/820/QĐ.UB (17/9/2003): Tòa án sơ thẩm đã căn cứ nguồn gốc đất và nhà số 27 Lý Thường Kiệt, Phường 4, thành phố M, tỉnh T để xác định tài sản trên thuộc quyền sở hữu của cụ Trần Văn Nh và cụ Nguyễn Thị H1 là có căn cứ, đồng thời hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01386QSDĐ/820/QĐ.UB (17/9/2003) là đúng pháp luật.

Từ những nhận định trên , xét kháng cáo của của ông Võ Trọng K là đại diện theo ủy quyền của bị đơn – Trần Công Th và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Nguyễn Thị Kim Ng, Trần Hoàng Ph, Trần Nguyễn Đức D, Trần Nguyễn Tường V là không có cơ sở, không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị, phát sinh hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Các nguyên đơn (Trần Công H, Trần Thị Kim Hg và Trần Thị Ngọc A) đều thuộc người cao tuổi nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì các nguyên đơn nêu trên được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí do các nguyên đơn nêu trên đã nộp được hoàn lại toàn bộ. Cho nên, sửa bản án sơ thẩm về phần án phí dân sự sơ thẩm.

- Về án phí phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và được hoàn lại.

[5] Xét lời đề nghị của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Xét ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại Phên tòa phúc thẩm là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 34, Điều 296, khoản 2 Điều 308, của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 642, 662, 668, 684 Bộ luật Dân sự 2005 và Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Võ Trọng K là đại diện theo ủy quyền của bị đơn – Trần Công Th và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Nguyễn Thị Kim Ng, Trần Hoàng Ph, Trần Nguyễn Đức D, Trần Nguyễn Tường V. Sửa một phần bản án sơ thẩm về án phí dân sự sơ thẩm.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các ông bà Trần Công H, Trần Thị Kim Hg, Trần Thị Ngọc A, Trần Thị Yến L.

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1386QSĐĐ/820/QĐ.UB (17/09/2003) ngày 18/12/2003 của Ủy ban nhân dân thành phố M cấp cho hộ ông Trần Văn Nh.

- Xác định căn nhà số 27 Lý Thường Kiệt, Khu phố 10, Phường 4, thành phố M, tỉnh T thuộc quyền sở hữu và là di sản của ông Trần Văn Nh và bà Nguyễn Thị H1.

- Công nhận di chúc số 48 ngày 02/04/2008 của ông Trần Văn Nh và bà Nguyễn Thị H1. Chia di sản là căn nhà số 27 Lý Thường Kiệt, Khu phố 10, Phường 4, thành phố M, tỉnh T làm 05 phần cho các thừa kế là ông Trần Công H, bà Trần Thị Kim Hg, bà Trần Thị Ngọc A, bà Trần Thị Yến L và ông Trần Công Th, mỗi kỹ phần là 424.052.262 đồng.

3. Buộc ông Trần Công Th hoàn trả cho ông Trần Công H, bà Trần Thị Kim Hg, bà Trần Thị Ngọc A và bà Trần Thị Yến L mỗi người 442.052.262 đồng. Ông Trần Công Th được quyền sở hữu căn nhà số 27 Lý Thường Kiệt, Khu phố 10, Phường 4, thành phố M, tỉnh T.

Xác định ông Trần Công Th đang quản lý số tiền 140.000.000 đồng là tiền lợi tức ông Trần Công Th thu được từ Việc cho thuê căn nhà số 27 Lý Thường Kiệt, Khu phố 10, Phường 4, thành phố M, tỉnh T. Ông Trần Công Th được hưởng 76.000.000 đồng trong số tiền này (bao gồm tiền công sức quản lý 60.000.000 đồng và tiền kỹ phần ông Th được hưởng là 16.000.000 đồng). Buộc ông Trần Công Th phải hoàn trả cho ông Trần Công H, bà Trần Thị Kim Hg, bà Trần Thị Ngọc A và bà Trần Thị Yến L mỗi người 16.000.000 đồng.

Việc trả tiền thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người có quyền có đơn yêu cầu thi hành, nếu ông Th chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

4. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Công H, bà Trần Thị Kim Hg, bà Trần Thị Ngọc A và bà Trần Thị Yến L về Việc yêu cầu hủy hợp đồng thuê nhà giữa ông Trần Công Th với chị Phạm Thị M Ng và chị Phạm Thị Ngọc C.

5. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Trần Công Th về Việc yêu cầu hủy di chúc số công chứng 48 ngày 02/04/2008, công nhận di chúc số 178 ngày 13/11/2006 của ông Trần Văn Nh và bà Nguyễn Thị H1.

6. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Công H, bà Trần Thị Kim Hg và bà Trần Thị Ngọc A được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm nên mỗi người được hoàn lại số tiền 7.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai như sau: Biên lai thu số 27180

(Bà Hg nộp), số 27181 (bà A nộp), số 27179 (ông H nộp) cùng ngày 15/5/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang;

+Bà Trần Thị Yến L phải chịu 21.602.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ số tiền 7.000.000 đồng tạm ứng án phí do bà L nộp theo biên lai thu số 27178 ngày 15/5/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh T nên phải nộp tiếp số tiền 14.602.000 đồng;

+Ông Trần Công Th phải chịu 24.002.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 200.000 đồng tạm ứng án phí do ông Th nộp theo biên lai thu số 27318 ngày 19/6/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh T nên phải nộp tiếp số tiền 23.802.000 đồng.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm nên mỗi người được hoàn lại số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm bao gồm: Trần Hoàng Ph, Nguyễn Thị Kim Ng, Trần Nguyễn Đức D, Trần Nguyễn Tường V, Trần Công Th theo các biên lai thu tiền số 0013060, 0013059, 0013064, 0013065, 0013066 cùng ngày 27/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh T.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên án công KH1 lúc 14 giờ 30 phút, ngày 16 tháng 10 năm 2019.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh T;
- TAND thành phố M, TG;
- CCTHADS thành phố M, TG;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHÊN TOÀ**

Trần Văn Đạt

